

## MỤC LỤC

### **Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023





## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100102830, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 23 tháng 11 năm 2006, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 15 tháng 03 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 23 tháng 04 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 08 tháng 08 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 20 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 01 tháng 08 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 12 tháng 08 năm 2020
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 06 tháng 05 năm 2022

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- Thương mại nông sản, lương thực, thực phẩm;
- Nhà phân phối hàng hóa;
- Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi;
- Xây dựng công trình.

### TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 9A, đường Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Mã số thuế : 0100102830

Công ty có 06 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Xuất nhập khẩu 1	Thị trấn Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương
Trung tâm Dịch vụ giới thiệu sản phẩm Vĩnh Hà	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm Vĩnh Tuy	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Xí nghiệp Xây dựng số 2	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trung tâm Kinh doanh lương thực Gia Lâm	Số 1, ngõ 100, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
Trung tâm Kinh doanh lương thực Thanh Trì	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Thành	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	
Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2023

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Thúy	Trưởng ban
Bà Vũ Diệu Thúy	Thành viên
Ông Hoàng Hùng	Thành viên

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Toàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Quý	Phó Giám đốc
Ông Lê Hải Long	Phó Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Toàn.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC - Chi nhánh FAC Hà Nội là công ty thực hiện soát xét cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Toàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số: 001/2023/BCTC-FACHN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã ghi nhận quyền sử dụng đất hình thành từ hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH Tân Uyên vào ngày 30 tháng 8 năm 2010, với giá trị là 5.558.625.000 VND, và toàn bộ Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo hợp đồng này được thế chấp cho bên đại diện Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo, Công ty vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do phía đối tác chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ cần thiết cho thủ tục đăng ký chuyển quyền.

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã ghi nhận 02 (hai) dự án 9A Vĩnh Tuy và dự án Km10 Văn Điển với số tiền là 6.512.265.424 VND, các dự án này đã dừng triển khai từ các năm trước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Công ty cũng đang tích cực phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để sớm có quyết định liên quan đến hai dự án nêu trên. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các dự án này đều có khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 - "Doanh thu chưa thực hiện", Công ty đã thực nhận được 16,5 tỷ VND trong tổng số lợi nhuận 76,46 tỷ VND được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh. Số tiền còn lại khoảng 59,9 tỷ VND chưa được Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước tạm ứng cho Công ty (theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì lợi nhuận được tạm ứng không muộn hơn ngày 30 tháng 12 năm 2020). Công ty chưa ghi nhận điều chỉnh nào liên quan đến khoản phải thu này trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

### Vấn đề khác

Các Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần, có đoạn vấn đề nhấn mạnh và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính tổng hợp này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 02 năm 2023 và báo cáo soát xét ngày 26 tháng 8 năm 2022.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - CHI NHÁNH FAC HÀ NỘI



**Trần Thế Thụ - Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2382-2023-099-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 3705-2021-099-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>406.883.977.865</b>	<b>308.779.423.458</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.693.739.149</b>	<b>12.006.749.629</b>
1 Tiền	111	4	4.693.739.149	12.006.749.629
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>184.700.000.000</b>	<b>227.600.000.000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	184.700.000.000	227.600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.627.095.309</b>	<b>16.489.197.625</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	54.443.660.803	48.033.302.745
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.255.995.800	2.008.675.707
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.802.339.351	1.362.119.818
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(34.874.900.645)	(34.914.900.645)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	10	<b>176.218.517.417</b>	<b>47.905.560.194</b>
1 Hàng tồn kho	141		176.218.517.417	47.905.560.194
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.644.625.990</b>	<b>4.777.916.010</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	180.623.496	218.240.731
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18	3.297.850.735	3.046.558.103
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.166.151.759	1.513.117.176
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.952.236.890</b>	<b>42.388.752.065</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.336.089.395</b>	<b>2.795.697.458</b>
1 Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	259.239.458	299.239.458
2 Phải thu dài hạn khác	216	8	3.076.849.937	2.496.458.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.592.528.602</b>	<b>3.826.907.920</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.774.398.355	2.828.657.391
- Nguyên giá	222		23.451.696.005	23.149.001.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.677.297.650)	(20.320.344.432)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	818.130.247	998.250.529
- Nguyên giá	228		5.786.890.000	5.786.890.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.968.759.753)	(4.788.639.471)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	13	<b>5.840.384.373</b>	<b>6.383.910.031</b>
- Nguyên giá	231		31.169.032.576	31.169.032.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.328.648.203)	(24.785.122.545)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.512.265.424</b>	<b>6.512.265.424</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	6.512.265.424	6.512.265.424
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	15	<b>15.141.369.600</b>	<b>15.141.369.600</b>
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.141.369.600	15.141.369.600
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.529.599.496</b>	<b>7.728.601.632</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	16	8.529.599.496	7.728.601.632
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>449.836.214.755</b>	<b>351.168.175.523</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/6/2023	
			Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>222.721.148.583</b>	<b>121.054.310.255</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>218.348.444.563</b>	<b>115.539.910.185</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	20.882.128.866	45.382.969.830
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.776.440.688	2.314.358.821
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	3.916.257.995	967.688.863
4 Phải trả người lao động	314		736.063.540	1.368.285.584
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		272.221.974	47.626.346
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	8.987.260.278	7.947.765.093
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	20	6.752.889.118	594.445.000
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	173.790.227.324	56.903.822.375
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	234.954.780	12.948.273
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.372.704.020</b>	<b>5.514.400.070</b>
1 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		47.380.320	47.380.320
2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	4.234.293.700	5.427.339.750
3 Phải trả dài hạn khác	337	20	91.030.000	39.680.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>227.115.066.172</b>	<b>230.113.865.268</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	23	<b>227.115.066.172</b>	<b>230.113.865.268</b>
1 Vốn cổ phần	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		8.367.715.643	8.012.655.136
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.747.350.529	7.101.210.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.747.350.529	7.101.210.132
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>449.836.214.755</b>	<b>351.168.175.523</b>

*[Signature]*

Bùi Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

*[Signature]*

Bùi Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Toàn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24.1	245.775.991.044	208.277.091.253
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.442.351.480	-
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>243.333.639.564</b>	<b>208.277.091.253</b>
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	25	231.082.740.476	202.668.610.485
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>12.250.899.088</b>	<b>5.608.480.768</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	24.2	16.405.622.643	16.937.539.588
7 Chi phí tài chính	22	26	5.943.259.880	1.638.777.229
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.860.210.280	1.256.121.674
8 Chi phí bán hàng	25	27	4.060.487.785	2.398.266.442
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.685.809.519	15.224.070.699
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.966.964.547</b>	<b>3.284.905.986</b>
11 Thu nhập khác	31		59.076.145	43.279.485
12 Chi phí khác	32		278.690.163	2.032.134
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(219.614.018)</b>	<b>41.247.351</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.747.350.529</b>	<b>3.326.153.337</b>
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30.1	-	-
<b>16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.747.350.529</b>	<b>3.326.153.337</b>
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	174	138

Bùi Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Toàn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		3.747.350.529	3.326.153.337
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		1.080.599.158	1.166.157.726
- Các khoản dự phòng	03		(40.000.000)	(40.000.000)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.122.898.664)	(16.414.349.747)
- Chi phí lãi vay	06		5.860.210.280	1.256.121.674
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>(4.474.738.697)</b>	<b>(10.705.917.010)</b>
- Tăng các khoản phải thu	09		(12.100.967.563)	(6.739.945.573)
- Tăng hàng tồn kho	10		(128.312.957.223)	(9.706.890.655)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(21.896.257.874)	4.096.722.459
- Tăng chi phí trả trước	12		(763.380.629)	(1.493.279.701)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.796.614.652)	(1.321.728.618)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22	99.000.000	53.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	22	(232.054.000)	(254.203.956)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(173.477.970.638)</b>	<b>(26.071.743.054)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(302.694.182)	(137.866.920)
2 Tiền chi cho vay	23		(119.700.000.000)	(132.900.000.000)
3 Tiền thu hồi cho vay	24		162.600.000.000	142.000.000.000
4 Tiền thu lãi cho vay và lợi nhuận được chia	27		6.681.249.391	9.030.869.717
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>49.278.555.209</b>	<b>17.993.002.797</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ đi vay	33	21	255.903.576.639	128.452.780.921
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(139.017.171.690)	(124.190.481.488)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>116.886.404.949</b>	<b>4.262.299.433</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.313.010.480)</b>	<b>(3.816.440.824)</b>
Tiền đầu kỳ	60	4	12.006.749.629	8.771.400.410
Tiền cuối kỳ	70	4	<b>4.693.739.149</b>	<b>4.954.959.586</b>



Bùi Thị Thu Hiền  
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Toán  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

### 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100102830, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 23 tháng 11 năm 2006, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 15 tháng 03 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 23 tháng 04 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 08 tháng 08 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 20 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 01 tháng 08 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 12 tháng 08 năm 2020
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 06 tháng 05 năm 2022

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- Thương mại nông sản, lương thực, thực phẩm;
- Nhà phân phối hàng hóa;
- Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi;
- Xây dựng công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 9A, đường Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có 06 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Xuất nhập khẩu 1	Thị trấn Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương
Trung tâm Dịch vụ giới thiệu sản phẩm Vĩnh Hà	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm Vĩnh Tuy	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Xí nghiệp Xây dựng số 2	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trung tâm Kinh doanh lương thực Gia Lâm	Số 1, ngõ 100, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
Trung tâm Kinh doanh lương thực Thanh Trì	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là: 101 người.

(ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 99 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm trụ sở chính Công ty và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

### 3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### Hàng tồn kho (tiếp theo)

#### *Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

### 3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

### 3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

### 3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của Quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ theo thời hạn thuê.

### Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### 3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 năm
Tài sản khác	04 - 06 năm
Quyền sử dụng đất	10 - 16 năm
Phần mềm máy tính	03 năm

### 3.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá Bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa bất động sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các Bất động sản như sau:

Kho tàng	10 - 27 năm
Nhà cửa	08 - 26 năm

### 3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### 3.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

### 3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

- Chi phí trả trước liên quan công trình hợp tác kinh doanh;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- Chi phí trả trước khác.

### 3.11. Các khoản đầu tư

#### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### **Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư**

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

### 3.12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

### 3.14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

➤ *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

➤ *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

➤ *Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Các Quỹ khác được trích lập theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

### 3.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 3.16).

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.16. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

**3.17. Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.18. Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động kinh doanh lương thực, hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động xây lắp. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về loại hình kinh doanh mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**4. TIỀN**

	VND	
	<u>Ngày 30/6/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
Tiền mặt	342.804.094	479.013.202
Tiền gửi ngân hàng	4.350.935.055	11.527.736.427
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.693.739.149</u></b>	<b><u>12.006.749.629</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

VND

	Ngày 30/6/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)</i>				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội (ii)	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - CN Đông Đô	62.700.000.000	62.700.000.000	139.900.000.000	139.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	40.500.000.000	40.500.000.000	29.200.000.000	29.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương	18.500.000.000	18.500.000.000	15.500.000.000	15.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
Ngân hàng Quân đội - CN Thăng Long (ii)	14.500.000.000	14.500.000.000	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>184.700.000.000</b>	<b>184.700.000.000</b>	<b>227.600.000.000</b>	<b>227.600.000.000</b>

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo. Lãi suất dao động từ 5,2%/năm đến 8%/năm tùy theo hợp đồng cụ thể.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại chính ngân hàng đó (Thuyết minh số 21).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
Công ty Cổ phần Thương mại Nông sản Đức Lợi	20.421.354.200	20.421.354.200
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Thành	5.170.284.533	5.170.284.533
Doanh nghiệp tư nhân Minh Ân	3.537.595.843	3.537.595.843
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Phú Thịnh	-	5.482.750.001
Công ty Cổ phần Đồng Xanh	1.979.930.000	1.979.930.000
Công ty Cổ phần Cavico Cầu Hàm	1.754.014.091	1.754.014.091
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.680.000.000	1.680.000.000
Nguyễn Hữu Khiển	2.328.948.800	-
Phạm Thị Sơn	2.299.720.000	-
Bùi Tuyết Oanh	1.702.750.400	-
Nguyễn Thị Hà 1970	1.564.151.600	-
Phải thu các khách hàng khác	12.004.911.336	8.007.374.077
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.443.660.803</b>	<b>48.033.302.745</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(34.543.178.667)	(34.543.178.667)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>19.900.482.136</b>	<b>13.490.124.078</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>		(Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
Trả trước cho người bán	6.255.995.800	2.008.675.707
<i>Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Phú</i>	5.994.000.000	-
<i>Công ty TNHH NGK Coca-Cola VN</i>	-	1.078.675.707
<i>Công ty Cổ phần Tín Phát</i>	-	800.000.000
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	261.995.800	130.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.255.995.800</b>	<b>2.008.675.707</b>

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Dài hạn</b>		
Trả trước cho người bán	259.239.458	299.239.458
<i>Công ty TNHH Thảo Yên</i>	259.239.458	299.239.458
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>259.239.458</b>	<b>299.239.458</b>
Dự phòng trả trước người bán khó đòi	(259.239.458)	(299.239.458)

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	312.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	250.000.000	250.000.000
Thuế tạm tính mua tài sản Bình Dương	880.952.382	880.952.382
Lãi tiền gửi dự thu	692.780.822	19.167.123
Phải thu ngắn hạn khác	163.831.975	209.226.141
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	8.502.774.172	2.774.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.802.339.351</b>	<b>1.362.119.818</b>
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(72.482.520)	(72.482.520)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>10.729.856.831</b>	<b>1.289.637.298</b>

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Dài hạn</b>		
Tạm ứng nhân viên (i)	1.201.849.937	1.596.458.000
Ký quỹ, ký cược	1.875.000.000	900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.076.849.937</b>	<b>2.496.458.000</b>

(i) Đây là khoản tạm ứng cho cá nhân bà Nguyễn Kim Thanh (nhận nợ từ ông Nguyễn Văn Toàn) làm các thủ tục thực hiện dự án.

**9. NỢ XẤU**

Đối tượng nợ (*)	Ngày 30/6/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thương mại Nông sản Đức Lợi	20.421.354.200	-	20.421.354.200	-
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Thành	5.170.284.533	-	5.170.284.533	-
DNTN Minh Ân	3.537.595.843	-	3.537.595.843	-
Công ty Cổ phần Đồng Xanh	1.979.930.000	-	1.979.930.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Cầu Hàm	1.754.014.091	-	1.754.014.091	-
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.680.000.000	-	1.680.000.000	-
Công ty TNHH Thảo Yên	259.239.458	-	299.239.458	-
Ông Nguyễn Trọng Hiên	40.000.000	-	40.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	32.482.520	-	32.482.520	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.874.900.645</b>	<b>-</b>	<b>34.914.900.645</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu được trình bày tại Thuyết minh số 6, 7 và 8.

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30/6/2023		Ngày 01/01/2023	
			(Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	42.078.645.112	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	575.445.186	-
Hàng hóa	176.218.517.417	-	5.251.469.896	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.218.517.417</b>	<b>-</b>	<b>47.905.560.194</b>	<b>-</b>

VND

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Ngày 01/01/2023	11.918.045.007	2.457.190.029	8.470.315.739	45.636.364	257.814.684	23.149.001.823
Mua trong kỳ	-	-	302.694.182	-	-	302.694.182
Ngày 30/6/2023	11.918.045.007	2.457.190.029	8.773.009.921	45.636.364	257.814.684	23.451.696.005
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	3.909.871.583	2.333.190.029	5.138.159.376	-	257.814.684	11.639.035.672
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Ngày 01/01/2023	10.819.621.830	2.338.307.487	6.891.018.177	13.582.254	257.814.684	20.320.344.432
Khấu hao trong kỳ	162.531.168	8.857.140	177.958.848	7.606.062	-	356.953.218
Ngày 30/6/2023	10.982.152.998	2.347.164.627	7.068.977.025	21.188.316	257.814.684	20.677.297.650
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Ngày 01/01/2023	1.098.423.177	118.882.542	1.579.297.562	32.054.110	-	2.828.657.391
Ngày 30/6/2023	935.892.009	110.025.402	1.704.032.896	24.448.048	-	2.774.398.355

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 01/01/2023	5.686.890.000	100.000.000	5.786.890.000
Ngày 30/6/2023	<u>5.686.890.000</u>	<u>100.000.000</u>	<u>5.786.890.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	-	100.000.000	100.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 01/01/2023	4.688.639.471	100.000.000	4.788.639.471
Hao mòn trong kỳ	180.120.282	-	180.120.282
Ngày 30/6/2023	<u>4.868.759.753</u>	<u>100.000.000</u>	<u>4.968.759.753</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 01/01/2023	998.250.529	-	998.250.529
Ngày 30/6/2023	<u>818.130.247</u>	<u>-</u>	<u>818.130.247</u>

- (i) Bao gồm giá trị Quyền sử dụng đất tại ấp Tân Ba, xã Thái Hòa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là 5.558.625.000 VND, với diện tích đất sử dụng 22.062 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đất 30 năm theo Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH Tân Uyên vào ngày 30 tháng 8 năm 2010. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo hợp đồng này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (bên đại diện nhận thế chấp) và Ngân hàng TMCP Á Châu Hội sở.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do phía đối tác có liên quan chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ cần thiết cho thủ tục đăng ký chuyển quyền.

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	Kho tàng	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 01/01/2023	27.095.692.802	4.073.339.774	31.169.032.576
Ngày 30/6/2023	<u>27.095.692.802</u>	<u>4.073.339.774</u>	<u>31.169.032.576</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	8.833.512.606	899.197.103	9.732.709.709
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 01/01/2023	21.730.177.362	3.054.945.183	24.785.122.545
Khấu hao trong kỳ	453.713.212	89.812.446	543.525.658
Ngày 30/6/2023	<u>22.183.890.574</u>	<u>3.144.757.629</u>	<u>25.328.648.203</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 01/01/2023	5.365.515.440	1.018.394.591	6.383.910.031
Ngày 30/6/2023	<u>4.911.802.228</u>	<u>928.582.145</u>	<u>5.840.384.373</u>

#### BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</i>	<i>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</i>
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	16.560.844.303	16.744.250.201
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	8.081.470.497	9.346.174.191

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên các ước tính hiện tại, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	<i>Ngày 30/6/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
Công trình 9A Vĩnh Tuy và 780 Minh Khai	4.825.661.186	4.825.661.186
Công trình Km10 Văn Điển	1.686.604.238	1.686.604.238
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.512.265.424</b>	<b>6.512.265.424</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các dự án công trình 9A Vĩnh Tuy và 780 Minh Khai; và Dự án Km10 Văn Điển đã dừng triển khai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Hiện tại, Công ty đang phối hợp với Tổng công ty Lương thực Miền Bắc làm việc với các cơ quan chức năng để sớm phê duyệt phương án sắp xếp xử lý tài sản công nêu trên.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các dự án này đều có khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

#### 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 30/6/2023</i>		<i>Ngày 01/01/2023</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc đầu tư</i>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH FTC - Tungshing	30,00%	15.141.369.600	30,00%	15.141.369.600
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.141.369.600</b>		<b>15.141.369.600</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-		-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>15.141.369.600</b>		<b>15.141.369.600</b>

Hoạt động chính của Công ty TNHH FTC - Tungshing là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; trụ sở chính đặt tại số 2 - 4 phố Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	53.402.438	45.350.257
Chi phí trả trước khác	127.221.058	172.890.474
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.623.496</b>	<b>218.240.731</b>
		VND
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	872.353.819	1.327.536.518
Chi phí hợp tác kinh doanh tại 231 Cầu Giấy (i)	3.033.684.146	3.022.926.354
Sửa chữa, cải tạo kho	4.041.951.228	3.069.384.869
Chi phí trả trước khác	581.610.303	308.753.891
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.529.599.496</b>	<b>7.728.601.632</b>

- (i) Là các khoản chi phí phát sinh trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất để ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước (thông tin hợp tác kinh doanh xem tại Thuyết minh số 19), Công ty phân bổ chi phí này trong 42 năm tương ứng với thời gian hợp tác.

**Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vinh Hà**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	Ngày 30/6/2023		Ngày 01/01/2023		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Công ty TNHH Thương mại Nông sản Gia Huy	11.562.000.000	11.562.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	3.250.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
Công ty TNHH NGK Coca-Cola Việt Nam	1.209.146.210	1.209.146.210	-	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH KIMBERLY - CLARK Việt Nam tại TP Hà Nội	2.032.022.811	2.032.022.811	788.687.111	788.687.111	788.687.111	788.687.111
Công ty TNHH Nhiên liệu Dầu khí Sài Gòn	-	-	5.970.000.000	5.970.000.000	5.970.000.000	5.970.000.000
Western Freight Solutions Ltd	-	-	5.697.674.136	5.697.674.136	5.697.674.136	5.697.674.136
The Delong Co., INC (i)	-	-	18.983.807.192	18.983.807.192	18.983.807.192	18.983.807.192
Mills Bros International, INC (i)	-	-	7.590.130.454	7.590.130.454	7.590.130.454	7.590.130.454
Phải trả đối tượng khác	2.828.959.845	2.828.959.845	3.102.670.937	3.102.670.937	3.102.670.937	3.102.670.937
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.882.128.866</b>	<b>20.882.128.866</b>	<b>45.382.969.830</b>	<b>45.382.969.830</b>	<b>45.382.969.830</b>	<b>45.382.969.830</b>

(i) Số liệu công nợ phải trả 2 nhà cung cấp này tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được trình bày lại theo Thuyết minh số 33.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30/6/2023
<b>Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	926.389.563	598.322.978	(1.306.463.022)	218.249.519
Thuế Thu nhập cá nhân	41.299.300	111.903.503	(126.156.289)	27.046.514
Tiền thuê đất	-	5.427.361.525	(1.756.399.563)	3.670.961.962
Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	279.599.431	(279.599.431)	-
Lệ phí môn bài	-	10.000.000	(10.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>967.688.863</b>	<b>6.427.187.437</b>	<b>(3.478.618.305)</b>	<b>3.916.257.995</b>

	VND			
	Ngày 01/01/2023	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Ngày 30/6/2023
<b>Phải thu</b>				
Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	3.046.558.103	6.748.088.146	(6.496.795.514)	3.297.850.735
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.166.151.759	-	-	1.166.151.759
Tiền thuê đất	346.965.417	-	(346.965.417)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.559.675.279</b>	<b>6.748.088.146</b>	<b>(6.843.760.931)</b>	<b>4.464.002.494</b>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước tiền thuê kho	1.598.249.999	1.309.886.363
Doanh thu nhận trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.428.372.727	4.677.241.178
Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	1.960.637.552	1.960.637.552
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.987.260.278</b>	<b>7.947.765.093</b>

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước tiền thuê kho	2.582.727.271	2.795.454.545
Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	1.651.566.429	2.631.885.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.234.293.700</b>	<b>5.427.339.750</b>

**DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (TIẾP THEO)**

- (i) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 - 2016/HĐHTKD - VHF-ĐP ngày 22 tháng 12 năm 2016, Công ty được phân chia một phần lợi nhuận từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước liên quan đến hoạt động xây dựng toà nhà để sử dụng và cho thuê tại 231 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Thời gian Công ty được hưởng lợi nhuận là ba mươi chín (39) năm, kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2016, với lợi nhuận nhận được cố định hàng năm là 1.960.637.552 VND. Theo hợp đồng, Công ty được nhận tạm ứng lợi nhuận cho toàn bộ thời gian hợp tác theo tiến độ thanh toán không muộn hơn ngày 30/12/2020 với số tiền là 76,46 tỷ VND. Đến nay, Công ty đã thực nhận được số tiền ứng trước là 16,5 tỷ VND; còn lại 59,9 tỷ VND chưa được Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước tạm ứng.

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	361.800.000	336.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.391.089.118	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	258.445.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.752.889.118</b>	<b>594.445.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	<i>361.800.000</i>	<i>594.445.000</i>
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>6.391.089.118</i>	<i>-</i>
		VND
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	91.030.000	39.680.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.030.000</b>	<b>39.680.000</b>

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	Ngày 01/01/2023	Tiền thu từ đi vay	Tiền chi trả nợ gốc vay	VND Ngày 30/6/2023
Vay từ ngân hàng (i)				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	33.238.207.146	120.105.272.419	76.445.670.741	76.897.808.824
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương	13.762.033.979	54.597.070.039	42.279.726.099	26.079.377.919
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội	9.903.581.250	70.339.125.303	20.291.774.850	59.950.931.703
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	-	10.862.108.878	-	10.862.108.878
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.903.822.375</b>	<b>255.903.576.639</b>	<b>139.017.171.690</b>	<b>173.790.227.324</b>

Chi tiết của các khoản vay tại ngân hàng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	Hợp đồng 01/2023/6022503/HĐTD ngày 10/7/2023 (được chuyển tiếp từ Hợp đồng 01/2022/6022503/HĐTD ngày 28/6/2022)	90 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	theo từng giấy nhận nợ	theo từng giấy nhận nợ	Hình thức tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương	Hợp đồng 01/2023/6022503/HĐTD ngày 12/7/2023 (được chuyển tiếp từ Hợp đồng 01/2022/6022503/HĐTD ngày 30/6/2022)	40 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	theo từng giấy nhận nợ	theo từng giấy nhận nợ	Hình thức tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội	Hợp đồng 1500-LAV-202201871 ngày 29/6/2023	60 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	6 tháng kể từ ngày giải ngân	theo từng giấy nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 40 tỷ VND, còn lại theo hình thức tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	Văn bản nhận nợ số LD2308785292 ngày 28/3/2023 và LD2309362980 ngày 03/4/2023	theo từng lần	6 tháng kể từ ngày giải ngân	6,5%/năm	Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng



**23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn góp đầu kỳ và cuối kỳ	215.000.000.000	215.000.000.000
Cổ tức công bố	6.391.089.118	5.874.939.553

**23.4. Cổ phiếu**

	Cổ phiếu	
	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	21.500.000	21.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.500.000	21.500.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**24. DOANH THU**

**24.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Doanh thu bán hàng hóa	228.622.036.741	190.640.927.163
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.560.844.303	16.744.250.201
Doanh thu hợp đồng xây dựng	593.110.000	891.913.889
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>245.775.991.044</b>	<b>208.277.091.253</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên độc lập</i>	239.207.270.793	185.567.091.253
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	6.568.720.251	22.710.000.000

**24.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.622.898.664	5.660.903.791
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.500.000.000	10.753.445.956
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.090.300.264	387.474.210
Doanh thu hoạt động tài chính khác	192.423.715	135.715.631
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.405.622.643</b>	<b>16.937.539.588</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	222.425.824.793	192.512.046.614
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.081.470.497	9.346.174.191
Giá vốn hợp đồng xây dựng	575.445.186	810.389.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>231.082.740.476</b>	<b>202.668.610.485</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Lãi tiền vay	5.860.210.280	1.256.121.674
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.049.600	382.655.555
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.943.259.880</b>	<b>1.638.777.229</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Chi phí nhân viên bán hàng	693.621.114	587.742.533
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	477.713.370
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	57.379.704	11.472.498
Chi phí bảo hành	-	1.007.708.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.477.919.029	313.629.840
Chi phí bán hàng khác	831.567.938	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.060.487.785</b>	<b>2.398.266.442</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Chi phí nhân viên quản lý	8.527.180.414	8.122.787.468
Chi phí đồ dùng văn phòng	705.236.471	466.344.745
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	285.798.090	408.530.626
Thuế, phí và lệ phí	208.268.182	-
(Hoàn nhập) dự phòng	(40.000.000)	(40.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.502.581.671	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.496.744.691	6.266.407.860
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.685.809.519</b>	<b>15.224.070.699</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Chi phí nhân công	9.220.801.528	8.710.530.001
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	705.236.471	928.692.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.080.599.158	1.166.157.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.980.500.700	2.710.404.431
Các chi phí khác	12.515.646.924	14.725.464.109
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.502.784.781</b>	<b>28.241.248.612</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.747.350.529</b>	<b>3.326.153.337</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN (i)	(8.500.000.000)	(10.753.445.956)
<b>Tổng lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>(4.752.649.471)</b>	<b>(7.427.292.619)</b>
Lỗ chuyển sang kỳ sau không ghi nhận thuế hoãn lại	4.752.649.471	7.427.292.619
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN theo thuế suất</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN (phải thu)/phải trả cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- (i) Thu nhập Công ty nhận được từ việc phân chia lợi nhuận sau thuế của hoạt động Đầu tư vào công ty liên kết không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

### 30.2. Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2023
2019	2024	(2.082.087.140)	-	-	(2.082.087.140)
2020	2025	(1.650.091.604)	-	-	(1.650.091.604)
2021	2026	(3.790.856.148)	-	-	(3.790.856.148)
2022	2027	(3.365.687.184)	-	-	(3.365.687.184)
Kỳ 6 tháng kết thúc 30/6/2023	2028	(4.752.649.471)	-	-	(4.752.649.471)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(15.641.371.547)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(15.641.371.547)</b>

(\*) Công ty đã thực hiện quyết toán thuế đến hết năm tài chính 2021. Lỗ tính thuế được ghi nhận theo biên bản quyết toán thuế hoặc theo tờ khai thuế của Công ty. Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 15.641.371.547 VND được quyền chuyển sang năm sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### 31.1. Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

VND

Bán hàng hóa (i)	Mối quan hệ	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	5.150.000.000	22.710.000.000
Công ty CP XNK Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Cùng công ty mẹ	1.418.720.251	-
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ (i)</b>			
Công ty CP Bột mỳ Vinafood1	Cùng công ty mẹ	29.866.200	438.929.904
Công ty CP XNK Lương thực - Thực Phẩm Hà Nội	Cùng công ty mẹ	218.393.186	-
Công ty CP Lương thực Hưng Yên	Cùng công ty mẹ	73.700.000	36.300.000
Công ty CP Lương thực Sơn La	Cùng công ty mẹ	60.000.000	-
Tổng kho An Giang - CN Tổng công ty	Cùng công ty mẹ	-	17.960.000.000
Công ty CP Lương thực Hà Bắc - CN Đồng Tháp	Cùng công ty mẹ	-	4.525.000.000
<b>Lợi nhuận được chia (ii)</b>			
Công ty TNHH FTC - Tungshing	Công ty liên kết	8.500.000.000	10.753.445.956
<b>Phân chia lợi nhuận (iii)</b>			
Tổng công ty lương thực Miền Bắc	Nhà đầu tư	3.259.455.450	2.996.219.172
Công ty TNHH Xây dựng HTB	Nhà đầu tư	1.531.483.309	1.407.799.469
Các cổ đông cá nhân khác	Nhà đầu tư	1.600.150.359	1.470.920.912

**Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan (tiếp theo)**

- (i) Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.
- (ii) Công ty được chia 464.442,72 USD, tương ứng 40% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động hợp tác kinh doanh theo Nghị quyết Hội đồng thành viên Công ty TNHH FTC - Tungshing số 075-23/NQ-HĐTV ngày 06/4/2023. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty tạm thời ghi nhận doanh thu tài chính 8,5 tỷ VND.
- (iii) Hoạt động phân chia lợi nhuận cho các cổ đông được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như trình bày tại Thuyết minh số 23.

**31.2. Số dư với các bên liên quan**

		VND	
	Mối quan hệ	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH FTC - Tungshing	Công ty liên kết	8.500.000.000	10.753.445.956
Tổng công ty lương thực Miền Bắc	Nhà đầu tư	2.774.172	2.774.172
<b>Phải thu khác</b>			
Tổng công ty lương thực Miền Bắc	Nhà đầu tư	3.259.455.450	2.996.219.172
Công ty TNHH Xây dựng HTB	Nhà đầu tư	1.531.483.309	1.407.799.469
Các cổ đông cá nhân khác	Nhà đầu tư	1.600.150.359	1.470.920.912

**31.3. Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

		VND	
		Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Ông Lê Văn Thành	Chủ tịch	287.125.630	280.246.580
Ông Phạm Đình Cường	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/4/2022)	27.984.200	213.738.863
Ông Nguyễn Văn Toàn	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1/5/2022)	244.012.196	225.954.562
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 19/4/2022)	153.813.282	84.438.261
Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 21/4/2023)	12.000.000	18.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 21/4/2023)	6.000.000	-
Ông Nguyễn Khắc Quý	Phó giám đốc	195.843.441	208.024.250
Ông Lê Hải Long	Phó giám đốc	185.126.198	97.895.727
Bà Vũ Thị Thúy	Trưởng ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Bà Vũ Diệu Thúy	Thành viên ban kiểm soát	113.603.455	87.463.636
Ông Hoàng Hùng	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.267.508.401</b>	<b>1.257.761.879</b>

### 32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 (trình bày lại)</b>
Lợi nhuận sau thuế (VND)	3.747.350.529	3.326.153.337
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(355.060.507)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>3.747.350.529</b>	<b>2.971.092.830</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	21.500.000	21.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	174	138

- (i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ17/VHF ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ này, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

### 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 được mang sang từ báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày đã được soát xét.

Một số dữ liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các bằng chứng kế toán được bổ sung. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	<b>Đã trình bày trước đây</b>	<b>Điều chỉnh</b>	<b>Được trình bày lại</b>
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.150.638.459	(8.141.962.752)	2.008.675.707
141	Hàng tồn kho	22.247.514.730	25.658.045.464	47.905.560.194
311	Phải trả người bán ngắn hạn	27.866.887.118	17.516.082.712	45.382.969.830

### 34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<b>Ngày 30/6/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
<b>Ngoại tệ</b>		
Đô la Mỹ (USD)	6.495,62	6.535,58

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

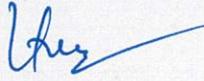
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



**Bùi Thị Thu Hiền**

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023



**Bùi Thị Thu Hiền**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Toàn**

Giám đốc